TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2020
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Bé Tr, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 116A, đường NH, Phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH N Việt Nam, Đường 14, Khu chế xuất TT, Quận B, Thành phố HCM (Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/3/2020).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trí Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 116A, đường NH, Phường C, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Võ Bé Tr trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Võ Bé Tr và ông Nguyễn Trí Th tự tìm hiểu được một khoảng thời gian thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 30/01/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến tháng 7/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do mẫu thuẫn về kinh tế, ông Th thường xuyên đi nhậu, không chăm lo cho gia

đình, hay ghen nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến đánh nhau vì vậy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Th vì xác định không còn tình cảm với ông Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Kim Kh, sinh ngày 16/02/2012, hiện nay đang sống chung với bà Tr. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Tr có đơn xin vắng mặt đề ngày 05/3/2020, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Trí Th không có văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh Long được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Bé Tr có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Trí Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr, ông Th là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Võ Bé Tr và ông Nguyễn Trí Th tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Ông bà sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà Tr trình bày mâu thuẫn về kinh tế, ông Th thường xuyên đi nhậu, không chăm lo cho gia đình, hay ghen nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến đánh ông bà đã sống ly thân vì vậy bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Th vì xác định không còn tình cảm với ông Th.

Xét thấy, bà Tr, ông Th có một khoảng thời gian sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, ông bà không tháo gỡ được những mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo

cho ông Th tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông Th không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Tr do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Tr, ông Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Theo bà Tr xác định, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Kim Kh, sinh ngày 16/02/2012.

Xét điều kiện nuôi con: Từ khi bà Tr và ông Th sống ly thân thì cháu Kh do bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay; ông Th đã được Tòa án thông báo đối với yêu cầu nuôi con của bà Tr nhưng cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu này. Do đó, để đảm bảo về chỗ ở ổn định, học tập, vui chơi, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý và nguyện vọng của cháu vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Tr không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung, ông Th không có ý kiến và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Võ Bé Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tr được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06/12/2019 theo biên lai thu số N_0 0005076 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VL thành tiền án phí. Bà Tr đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Bé Tr. Cho bà Võ Bé Tr được ly hôn với ông Nguyễn Trí Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Kh, sinh ngày 16/02/2012 cho bà Tr nuôi dưỡng và giáo dục, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Võ Bé Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tr được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06/12/2019 theo biên lai thu số N_0 0005076 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VL thành tiền án phí. Bà Tr đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Trường

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.